

KIỂM SOÁT NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ BẢO VỆ QUYỀN ƯU TIÊN THANH TOÁN TRONG TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

NGUYỄN THỊ THẢO^{1*} - TÔ HOÀI THẮNG²

¹Tòa án Nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh
People's Court of Region 4, Ho Chi Minh City

²Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
University of Economics and Law, Vietnam National University Ho Chi Minh City

*Tác giả liên hệ - Email: tohoaithang.0102@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/8/2026

Ngày sửa bài: 5/9/2026

Ngày duyệt đăng bài: 16/9/2026

Tóm tắt:

Nghiên cứu phân tích 2 nhóm bất cập trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: xác định và kiểm soát nghĩa vụ tài chính khi khoản nợ chuyển quá hạn (thành phần dư nợ, tình trạng tính lãi trên các khoản lãi và thứ tự thu nợ) và bảo đảm quyền ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm. Nghiên cứu phân tích 4 bản án và quyết định giám đốc thẩm giai đoạn 2023–2025, kết hợp kiểm nghiệm các mô hình đề xuất. Kết quả kiểm nghiệm mô hình Thẩm định kép và minh bạch hóa chứng cứ lãi suất cho thấy, tổng nghĩa vụ thanh toán được xác định lại, giảm tương ứng 43,9% và 83% trong 2 vụ án. Mô hình Bảo vệ quyền ưu tiên thanh toán thống nhất nhằm bảo đảm áp dụng đúng thứ tự ưu tiên theo Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghiên cứu đề xuất thí điểm trong thời hạn 12 tháng với 3 công cụ hỗ trợ nghiệp vụ.

Từ khóa: hợp đồng tín dụng, lãi chồng lãi, thứ tự thu nợ, quyền ưu tiên thanh toán, tài sản bảo đảm

Controlling financial obligations and protecting priority of payment in credit contract disputes

Abstract:

This study examines two groups of shortcomings in the adjudication of credit contract disputes at the People's Court of Region 4, Ho Chi Minh City: the determination and control of financial obligations once a debt becomes overdue, including debt composition, interest-on-interest issues, and the order of debt collection; and the protection of priority of payment when collateral is enforced. Using a case-study approach based on four judgments and cassation decisions issued between 2023 and 2025, together with testing of the proposed models, the study identifies fragmented technical rules in sub-statutory legal documents and the absence of operational support tools as common causes of these shortcomings. Testing of the dual-verification and interest-evidence transparency model resulted in recalculated total payment obligations that were 43.9% and 83% lower in two cases. A unified priority-of-payment protection model is also proposed to ensure proper application of the priority order under Article 308 of the 2015 Civil Code. The study recommends a 12-month pilot involving three operational support tools.

Keywords: credit contract, interest on interest, order of debt collection, priority of payment, collateral

1. Đặt vấn đề

Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động cấp tín dụng là kênh luân chuyển vốn chủ yếu, đồng thời là lĩnh vực phát sinh khối lượng lớn tranh chấp được giải quyết tại Tòa án. Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo mô hình tổ chức mới của hệ thống Tòa án nhân dân quy định tại Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở sáp nhập Tòa án nhân dân Quận 10 và Quận Tân Bình, đang đối mặt với áp lực về khối lượng án tín dụng tồn đọng và yêu cầu thống nhất đường lối xét xử.

Thực tiễn xét xử cho thấy, có sự khác biệt giữa nguyên tắc thỏa thuận lãi suất theo pháp luật về ngân hàng và các quy định của pháp luật dân sự về xác định nghĩa vụ tài chính. Khoản 2 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 cho phép các bên thỏa thuận lãi suất theo pháp luật chuyên ngành, không chịu giới hạn 20%/năm tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Sự khác biệt này đặt ra 2 vấn đề cần giải quyết: nghĩa vụ tài chính của bên vay được xác định như thế nào khi khoản nợ chuyển quá hạn và làm thế nào để phán quyết của Tòa án bảo đảm quyền ưu tiên thanh toán trong giai đoạn thi hành án.

Các công trình nghiên cứu hiện có đã nhận diện những vướng mắc trong việc xác định lãi suất sau ngày xét xử sơ thẩm (Tuồng Duy Lượng, 2020) và sự lúng túng khi phân biệt lãi suất tín dụng với lãi suất dân sự (Nguyễn Thái Nam, 2021), song chưa làm rõ sự khác biệt giữa cách hạch toán của hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) và quy định của pháp luật dân sự về thứ tự thu nợ. Đối với nhóm vấn đề về tài sản bảo đảm, các công trình đã chỉ ra khó khăn của cơ quan thi hành án khi bản án không ghi rõ thứ tự ưu tiên thanh toán (Lương Quang Hòa, 2023) và nguy cơ làm ảnh hưởng đến quyền ưu tiên thanh toán của tổ chức tín dụng (Nguyễn Thị Khuyên, 2022), nhưng chưa đề xuất cách ghi nhận rõ quyền ưu tiên thanh toán trong phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Nghiên cứu hướng tới 3 mục tiêu: nhận diện 2 nhóm bất cập pháp lý trọng tâm trong thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân Khu vực 4, xây dựng và kiểm nghiệm mô hình Thẩm định kép và minh bạch hóa chứng cứ lãi suất, xây dựng và kiểm nghiệm mô hình Bảo vệ quyền ưu tiên thanh toán thống nhất. Đóng góp của nghiên cứu là bổ sung cách tiếp cận kết hợp giữa pháp luật dân sự và pháp luật ngân hàng, làm rõ sự khác biệt giữa các quy định đã hết hiệu lực và các quy định đang có hiệu lực về thứ tự thu nợ, đồng thời đề xuất 2 mô hình hỗ trợ nghiệp vụ có thể áp dụng trong thực tiễn mà không yêu cầu sửa đổi, bổ sung luật.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu về lãi suất tập trung vào sự khác biệt giữa Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự trong việc điều chỉnh lãi suất. Tuồng Duy Lượng (2020) chỉ ra rằng việc chưa thống nhất về phương pháp tính lãi quá hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là một trong những nguyên nhân dẫn đến án bị sửa, bị hủy ở cấp phúc thẩm. Nguyễn Thái Nam (2021) phân tích tình trạng thẩm phán còn lúng túng khi phân biệt lãi suất trong hợp đồng tín dụng với lãi suất trong giao dịch dân sự thông thường. Các kết quả này là cơ sở để nghiên cứu xác định nhu cầu về một công cụ kiểm tra, đối chiếu độc lập đối với phương pháp hạch toán của tổ chức tín dụng.

Nhóm nghiên cứu về xử lý tài sản bảo đảm tập trung vào các vướng mắc trong việc xử lý tài sản để thu hồi nợ. Lương Quang Hòa (2023) hệ thống hóa những bất cập trong thi hành án khi bản án có nội dung liên quan đến kê biên tài sản nhưng không ghi rõ thứ tự ưu tiên thanh toán và phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm. Nguyễn Thị Khuyên (2022) phân tích mối liên hệ giữa hiệu lực đối kháng của giao dịch bảo đảm theo Bộ luật Dân sự năm 2015 với quy định về phân chia tiền thi hành án dân sự, đồng thời chỉ ra nguy cơ quyền

ưu tiên thanh toán của tổ chức tín dụng bị ảnh hưởng nếu bản án không ghi nhận rõ thứ tự ưu tiên và thời điểm phát sinh hiệu lực đối kháng. Khoảng trống mà nghiên cứu này tiếp cận là chuyển các kết quả nghiên cứu nêu trên thành các công cụ hỗ trợ nghiệp vụ cụ thể cho Hội đồng xét xử và kiểm nghiệm khả năng áp dụng trên các bản án được nghiên cứu.

2.2. Khung pháp lý về nghĩa vụ lãi và quyền ưu tiên thanh toán

Nghĩa vụ về lãi của bên vay trong hợp đồng tín dụng gồm 3 khoản: lãi tính trên nợ gốc trong hạn, lãi tính trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi chậm trả đối với khoản lãi chậm trả. Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định các loại lãi mà bên vay phải trả khi đến hạn nhưng không trả hoặc trả không đầy đủ. Đối với thứ tự thanh toán, khoản 4 Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN và Thông tư số 12/2024/TT-NHNN) quy định khi khoản nợ đã quá hạn, tổ chức tín dụng phải thu nợ gốc trước, nợ lãi sau. Việc hạn chế tính lãi trên lãi được thể hiện qua 2 quy định: giới hạn về mức lãi theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và nguyên tắc một hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần theo khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP.

Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đều không quy định trực tiếp ở cấp luật về thứ tự thu nợ khi khoản nợ quá hạn và tiêu chí xác định việc tính lãi trên lãi. Các quy định chi tiết về những vấn đề này được thể hiện tại các văn bản dưới luật. Đối với quyền ưu tiên thanh toán, Điều 297 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác lập hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký biện pháp bảo đảm. Điều 308 xác định thứ tự ưu tiên thanh toán theo thứ tự xác lập hiệu lực đối kháng và được cụ thể hóa tại Điều 54 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP. Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm chỉ được phân chia theo Điều 308 sau khi đã thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản. Điều 199 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định thứ tự ưu tiên thanh toán, trong đó nghĩa vụ thuế, lệ phí trực tiếp liên quan đến chuyển nhượng tài sản bảo đảm được xếp trước nghĩa vụ nợ được bảo đảm, khác với Điều 12 Nghị quyết số 42/2017/QH14. Cơ chế phân chia tiền thi hành án theo khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (áp dụng đối với các vụ án xét xử trước ngày 01/7/2026) và khoản 3 Điều 54 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 cũng quy định thứ tự thanh toán trong thi hành án dân sự, dẫn đến sự khác biệt với thứ tự ưu tiên thanh toán theo pháp luật dân sự.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp 4 phương pháp. Phương pháp phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa được sử dụng để phân tích, đối chiếu các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Luật Thi hành án dân sự, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP. Phương pháp thống kê, phân loại được sử dụng để tổng hợp số liệu và phân loại các bản án tại Tòa án nhân dân Quận 10, Tòa án nhân dân quận Tân Bình và Tòa án nhân dân Khu vực 4 trong giai đoạn 2022 - 2025.

Phương pháp nghiên cứu tình huống được sử dụng để phân tích các vụ việc điển hình, gồm Bản án số 266/2025/DS-ST; quá trình giải quyết qua 2 cấp xét xử thể hiện tại Bản án số 158/2024/DS-PT; Bản án số 251/2025/DS-ST; Quyết định Giám đốc thẩm số 30/2023/KDTM-GĐT. Phương pháp xây dựng và kiểm nghiệm mô hình được sử dụng để áp dụng thử các giải pháp đề xuất trên chính các vụ việc được nghiên cứu, từ đó xác định mức thay đổi về số tiền phải thanh toán và cách xác định, thể hiện nghĩa vụ trong phán quyết.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Bắt cập trong kiểm tra cấu trúc dư nợ tại thời điểm chuyển nợ quá hạn

Bản án số 266/2025/DS-ST ngày 18/6/2025 giải quyết tranh chấp giữa một ngân hàng thương mại cổ

phần và bà P. theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/4/2019, với lãi suất trong hạn 2,6%/tháng và lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng có hình thức hợp đồng theo mẫu thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong gần một năm rưỡi sử dụng thẻ, tổng giá trị giao dịch phát sinh là 211.936.556 đồng, tổng số tiền đã thanh toán là 182.451.711 đồng, khoản chênh lệch giữa 2 số tiền này là 29.484.845 đồng. Ngày 23/9/2020, ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và xác định dư nợ gốc là 52.145.649 đồng. Tính đến ngày xét xử, tức 1.729 ngày sau khi chuyển nợ quá hạn, ngân hàng yêu cầu tổng cộng 169.013.885 đồng, gồm dư nợ gốc 52.145.649 đồng và lãi quá hạn cộng dồn 116.868.236 đồng, tương đương 3,24 lần dư nợ gốc được ngân hàng xác định và 5,73 lần khoản chênh lệch giữa tổng giá trị giao dịch và tổng số tiền đã thanh toán.

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện dựa trên thỏa thuận của các bên và sự phù hợp giữa lời khai của nguyên đơn với bảng kê dư nợ do ngân hàng cung cấp. Qua phân tích hồ sơ, có 3 vấn đề về pháp luật nội dung cần được xem xét. Thứ nhất, dư nợ gốc tại thời điểm chuyển nợ quá hạn cao hơn khoản chênh lệch giữa tổng giá trị giao dịch và tổng số tiền đã thanh toán là 22.660.804 đồng, tương đương 76,8% khoản chênh lệch này. Chênh lệch trên là dấu hiệu cho thấy lãi và phí có thể đã được cộng vào nợ gốc trước khi chuyển nợ quá hạn và tiếp tục được tính lãi quá hạn. Thứ hai, bản án được tuyên ngày 18/6/2025, gần 1 năm sau khi Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực, nhưng chưa thể hiện việc đối chiếu các quy định pháp luật có liên quan trong thời kỳ chuyển tiếp theo khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Thứ ba, các nguyên tắc chung của pháp luật dân sự về thiện chí, trung thực tại Điều 3 và quy định về giải thích hợp đồng theo mẫu tại khoản 3 Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa được vận dụng.

Việc Tòa án kiểm tra cấu trúc dư nợ không làm ảnh hưởng đến quyền tự định đoạt của đương sự theo khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trên cơ sở các điều 97, 106 và 108 về thu thập, cung cấp và đánh giá chứng cứ, Tòa án có thể yêu cầu tổ chức tín dụng giải trình bằng văn bản về cách xác định và hình thành dư nợ khi phát hiện chênh lệch bất thường. Đây không phải là việc Tòa án tự xác định lại nghĩa vụ của các bên, mà là yêu cầu bên nắm giữ dữ liệu về dư nợ làm rõ căn cứ và phương pháp xác định số tiền phải thanh toán, phù hợp với trách nhiệm bảo vệ quyền lợi khách hàng tại Điều 10 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Như vậy, bất cập chủ yếu liên quan đến việc thiếu công cụ nghiệp vụ hỗ trợ kiểm tra, đối chiếu cấu trúc dư nợ, thay vì xuất phát trực tiếp từ khoảng trống pháp lý.

3.2. Bất cập trong xác định lãi chồng lãi và thứ tự thu nợ khi nợ quá hạn

Vụ án giữa một ngân hàng thương mại cổ phần và ông D., bà T. liên quan đến 2 hợp đồng tín dụng năm 2016 với tổng số tiền vay 8,5 tỷ đồng để mua nhà, lãi suất cho vay 10,5%/năm. Ngày 04/5/2020, các khoản vay chuyển nợ quá hạn. Bị đơn đã thanh toán toàn bộ nợ gốc 8,5 tỷ đồng, song ngân hàng vẫn yêu cầu trả thêm 837.765.977 đồng, gồm lãi cộng dồn 565.594.099 đồng, lãi phạt cộng dồn 130.735.517 đồng và thu hồi ưu đãi lãi suất 141.436.361 đồng. Bản án sơ thẩm năm 2023 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Bản án phúc thẩm số 158/2024/DS-PT ngày 06/3/2024 sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác 687.329.616 đồng tiền lãi, chỉ chấp nhận 141.436.361 đồng thu hồi ưu đãi lãi suất, đồng thời xác định ngân hàng hạch toán sai dẫn đến thu thừa của bị đơn 1.238.777.341 đồng.

Lập luận của cấp phúc thẩm dựa trên 2 căn cứ. Về thứ tự thu nợ, việc ngân hàng thu song song cả gốc và lãi sau thời điểm chuyển nợ quá hạn vi phạm nguyên tắc thu gốc trước, lãi sau tại khoản 4 Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Hệ quả là nợ gốc giảm chậm, lãi quá hạn phát sinh cao hơn thực tế và một phần đáng kể số tiền thanh toán nợ gốc được chuyển thành doanh thu lãi. Về lãi chồng lãi, khoản lãi phạt cộng dồn tính trên lãi chậm trả, được chính nguyên đơn thừa nhận tại phiên tòa là lãi của lãi cộng dồn, là biểu

hiện của việc áp dụng đồng thời 2 chế tài cho cùng một hành vi vi phạm nghĩa vụ trả nợ, trái với nguyên tắc một hành vi vi phạm chỉ xử lý một lần tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP. Tuy nhiên, Quyết định Giám đốc thẩm số 295/2024/DS-GĐT ngày 26/12/2024 đã hủy cả 2 bản án để giải quyết lại sơ thẩm vì lý do tố tụng, trong khi phân lập luận về thứ tự thu nợ và lãi chồng lãi không bị kháng nghị. Khoảng cách 5,9 lần giữa 2 phán quyết trên cùng một bộ tình tiết phản ánh mức độ thiếu thống nhất của việc áp dụng pháp luật nội dung.

Nguyên nhân của bất cập nằm ở trạng thái phân tán của các quy định kỹ thuật. Trước Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, nguyên tắc thu gốc trước, lãi sau được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN, văn bản đã hết hiệu lực từ ngày 15/3/2017. Việc Tòa án cấp phúc thẩm vẫn viện dẫn Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN cho thấy, thực trạng Tòa án vẫn tham chiếu văn bản đã hết hiệu lực, làm giảm tính chính xác của căn cứ áp dụng trong bản án. Khi cùng một nguyên tắc phải suy luận chéo qua một quyết định năm 2001, một công văn hướng dẫn năm 2017 và một thông tư sửa đổi, kết quả áp dụng phụ thuộc đáng kể vào nhận thức của từng Hội đồng xét xử.

3.3. Bất cập trong ghi nhận hiệu lực đối kháng và thứ tự ưu tiên thanh toán trong phán quyết

Bản án số 251/2025/DS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 giải quyết tranh chấp giữa một ngân hàng thương mại cổ phần và ông L., bà T. theo Hợp đồng cho vay và Hợp đồng thế chấp cùng ngày 30/12/2021 đối với 2 quyền sử dụng đất tại tỉnh Long An. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký biện pháp bảo đảm. Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn thanh toán 2.223.314.491 đồng tính đến ngày xét xử, trong đó nợ gốc là 1.418.749.744 đồng, đồng thời tuyên ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp nếu nghĩa vụ không được thực hiện.

Phán quyết định của bản án chưa ghi nhận đầy đủ 3 nội dung pháp lý quan trọng: thời điểm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba (ngày 30/12/2021), phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm và thứ tự ưu tiên thanh toán theo Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc bản án chỉ ghi nhận quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản mà chưa làm rõ các nội dung trên có thể làm cho việc xác định quyền ưu tiên thanh toán của tổ chức tín dụng trong giai đoạn thi hành án trở nên khó khăn. Khi tài sản được xử lý, việc phân chia số tiền thu được còn phải tuân theo các quy định của pháp luật thi hành án dân sự, trong đó có khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 về thứ tự thanh toán. Nếu bản án không xác định rõ quyền ưu tiên của bên nhận bảo đảm, cơ quan thi hành án có thể gặp khó khăn trong việc xác định mối quan hệ giữa quyền ưu tiên thanh toán theo pháp luật dân sự và thứ tự phân chia tiền trong thi hành án dân sự. Vì vậy, vấn đề đặt ra bao gồm cả kỹ thuật trình bày bản án và sự phối hợp giữa các quy định về quyền xử lý tài sản bảo đảm và các quy định về phân chia tiền thi hành án.

3.4. Bất cập trong xác định phạm vi chi phí được ưu tiên thanh toán theo Điều 307 Bộ luật Dân sự

Quyết định Giám đốc thẩm số 30/2023/KDTM-GĐT ngày 29/12/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội giải quyết tranh chấp giữa một ngân hàng thương mại cổ phần và Công ty cổ phần Hàng hải H. Theo hợp đồng tín dụng năm 2013, ngân hàng cho vay 23,331 tỷ đồng để mua tàu biển. Tài sản bảo đảm là chính con tàu sau khi sửa chữa, nâng cấp, có giá trị 45,638 tỷ đồng. Công ty H. thuê Công ty cổ phần Đóng tàu H. sửa chữa, nâng cấp và trông giữ tàu nhưng chưa thanh toán đầy đủ. Công ty Đóng tàu khởi kiện yêu cầu độc lập và đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là con tàu để thu hồi khoản nợ 11.967.073.634 đồng.

Các cấp xét xử viện dẫn Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm b Điều 12 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP để ưu tiên thanh toán cho Công ty Đóng tàu khoảng 8,08 tỷ đồng, gồm tiền lương công nhân 4.303.318.651 đồng, thuế giá trị gia tăng 819.415.785 đồng và phí trông giữ tàu 2.953.500.000 đồng, trước

khi thanh toán cho ngân hàng khoản nợ 32.834.248.529 đồng. Ủy ban Thẩm phán bác kháng nghị giám đốc thẩm và giữ nguyên phán quyết với lập luận bảo đảm quyền lợi của người lao động và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Cách giải quyết này đặt ra 2 vấn đề cần xem xét. Thứ nhất, cần phân biệt giữa mục đích sử dụng khoản tiền và chủ thể thực sự có quyền ưu tiên đối với khoản tiền đó. Quyền đối với khoản tiền lương thuộc về người lao động và nghĩa vụ thuế thuộc về chủ thể có nghĩa vụ nộp thuế. Việc một chủ thể khác yêu cầu thanh toán các khoản này không đương nhiên làm phát sinh cho họ quyền ưu tiên thanh toán tương ứng. Thứ hai, cần xác định rõ phạm vi của chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm, tránh mở rộng các khoản chi phí này sang chi phí sửa chữa, nâng cấp phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường của bên bảo đảm nếu không có căn cứ pháp lý phù hợp.

Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định các khoản chi phí được thanh toán trước khi phân chia số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, nhưng chưa quy định cụ thể tiêu chí xác định phạm vi của từng loại chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản. Khoảng trống trong việc xác định tiêu chí này có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau về những khoản chi được ưu tiên thanh toán trước nghĩa vụ được bảo đảm. Trong trường hợp các khoản chi không thuộc phạm vi chi phí được pháp luật ưu tiên nhưng vẫn được đưa vào thứ tự thanh toán trước, quyền ưu tiên thanh toán của bên nhận bảo đảm có thể bị ảnh hưởng và làm phát sinh khó khăn trong việc xác định số tiền thực tế được phân chia cho các bên.

4. Kết quả kiểm nghiệm 2 mô hình giải pháp

Trên cơ sở 4 bất cập đã nhận diện, nghiên cứu xây dựng 2 mô hình giải pháp và áp dụng thử trên chính các vụ việc đã được nghiên cứu. Mô hình Thẩm định kép và minh bạch hóa chứng cứ lãi suất gồm 3 công cụ: phiếu kiểm tra cấu trúc dư nợ, trong đó yêu cầu tổ chức tín dụng giải trình khi dư nợ gốc được xác định cao hơn khoản chênh lệch giữa tổng giá trị giao dịch và tổng số tiền đã thanh toán trên 20%, theo ngưỡng cảnh báo do nghiên cứu đề xuất; bảng đối chiếu các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và năm 2024; bảng theo dõi các vụ án có dấu hiệu tính lãi trên lãi.

Mô hình Bảo vệ quyền ưu tiên thanh toán thống nhất gồm 3 công cụ: phiếu kiểm tra hiệu lực đối kháng và thứ tự ưu tiên thanh toán; bảng phân loại chi phí theo 3 tiêu chí gồm (i) trực tiếp phục vụ việc bảo quản, thu giữ hoặc xử lý tài sản bảo đảm; (ii) có sự chấp thuận của bên nhận bảo đảm; (iii) không phát sinh từ hoạt động kinh doanh thông thường của bên bảo đảm; bảng theo dõi các vụ án có dấu hiệu khác biệt hoặc xung đột về thứ tự ưu tiên thanh toán. Bảng 1 tổng hợp kết quả áp dụng thử 2 mô hình trên các vụ việc được nghiên cứu.

Bảng 1. Kết quả kiểm nghiệm 2 mô hình trên 4 vụ việc điển hình

Vụ việc	Bất cập được nhận diện	Căn cứ pháp lý áp dụng	Kết quả kiểm nghiệm
Bản án số 266/2025/DS-ST	Chưa kiểm tra cấu trúc dư nợ; chưa đối chiếu các quy định pháp luật có liên quan trong thời kỳ chuyển tiếp giữa Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và năm 2024	Điều 3, Điều 405, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP	Tổng nghĩa vụ được xác định lại từ 169,0 triệu đồng xuống 94,9 triệu đồng, giảm 43,9%. Phần chênh lệch được xác định lại trên cơ sở kiểm tra cấu trúc dư nợ và các khoản lãi, phí liên quan.

Bản án số 158/2024/DS-PT	Đồng thời thu nợ gốc và nợ lãi khi khoản nợ quá hạn; tính lãi trên khoản lãi đã phát sinh	Khoản 4 Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP	Tổng nghĩa vụ được xác định lại từ 837,8 triệu đồng xuống 141,4 triệu đồng, giảm 83%; việc điều chỉnh được thực hiện tại cấp phúc thẩm. Kết quả kiểm nghiệm cho thấy nếu áp dụng mô hình ngay từ cấp sơ thẩm, các khoản cần điều chỉnh có thể được kiểm tra và xác định sớm hơn.
Bản án số 251/2025/DS-ST	Chưa ghi nhận thời điểm phát sinh hiệu lực đối kháng, phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm và thứ tự ưu tiên thanh toán	Điều 297, Điều 301, Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 54 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP	Tổng nghĩa vụ không thay đổi (2.223.314.491 đồng), nhưng nội dung về hiệu lực đối kháng và thứ tự ưu tiên thanh toán được bổ sung vào phần quyết định của bản án.
Quyết định Giám đốc thẩm số 30/2023/KDTM-GĐT	Xác định phạm vi chi phí được ưu tiên thanh toán theo Điều 307 chưa rõ; cần phân biệt giữa khoản chi phí được ưu tiên và quyền của chủ thể yêu cầu thanh toán	Điều 307 và Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2015	Khoản yêu cầu 11.967.073.634 đồng của Công ty cổ phần Đóng tàu H. được kiểm tra lại theo tiêu chí về phạm vi chi phí được ưu tiên; phần nghĩa vụ có bảo đảm 32.834.248.529 đồng được xác định trước trong thứ tự phân chia theo mô hình đề xuất.

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp và kiểm nghiệm trên cơ sở các bản án, quyết định được nghiên cứu.

Bảng 2. So sánh 2 mô hình giải pháp

Tiêu chí	Mô hình Thẩm định kép và minh bạch hóa chứng cứ lãi suất	Mô hình Bảo vệ quyền ưu tiên thanh toán thống nhất
Phạm vi áp dụng	Tranh chấp về lãi suất, tính lãi trên lãi và các khoản phí trong hợp đồng tín dụng	Tranh chấp về xử lý tài sản bảo đảm và thứ tự ưu tiên thanh toán
Cơ sở pháp lý	Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN	Điều 297, Điều 301, Điều 307, Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024
Nội dung cốt lõi	Kiểm tra độc lập cấu trúc dư nợ; phân tách các khoản gốc, lãi, phí; kiểm tra thứ tự thu nợ khi khoản nợ chuyển quá hạn	Ghi nhận hiệu lực đối kháng, quyền xử lý tài sản bảo đảm và thứ tự ưu tiên thanh toán trong phán quyết
Công cụ triển khai	Phiếu kiểm tra cấu trúc dư nợ; bảng đối chiếu Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và năm 2024; bảng theo dõi vụ án có dấu hiệu tính lãi trên lãi	Phiếu kiểm tra hiệu lực đối kháng và thứ tự ưu tiên; bảng phân loại chi phí được ưu tiên; bảng theo dõi vụ án có dấu hiệu khác biệt hoặc xung đột về thứ tự ưu tiên
Điều kiện áp dụng	Vận hành trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, có thể áp dụng từ cấp sơ thẩm mà không yêu cầu sửa đổi luật	Vận hành trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, tập trung vào việc bổ sung nội dung nhận định và ghi nhận rõ quyền ưu tiên trong phần quyết định của bản án

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

5. Thảo luận

Kết quả kiểm nghiệm cho thấy, 2 mô hình giải pháp được xây dựng trên cơ sở các quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm xét xử các vụ án được nghiên cứu. Điều này cho thấy, nguyên nhân của các bất cập được nhận diện chủ yếu nằm ở 2 vấn đề: các quy định chi tiết về cách xác định và kiểm tra nghĩa vụ được quy định tại nhiều văn bản khác nhau; bản án chưa phải lúc nào cũng ghi nhận rõ các yếu tố pháp lý cần thiết trong phần quyết định.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, sai lệch trong cách hạch toán và xác định dư nợ có thể ảnh hưởng đáng kể đến nghĩa vụ thanh toán của bên vay. Việc đồng thời thu nợ gốc và nợ lãi khi khoản nợ đã quá hạn có thể làm cho nợ gốc giảm chậm và dẫn đến số lãi được xác định cao hơn. Trong vụ án thứ hai, khoản tiền ngân hàng xác định và yêu cầu thanh toán có chênh lệch 1.238.777.341 đồng so với số tiền được xác định là thu thừa theo phán quyết của cấp phúc thẩm. Sự khác biệt đáng kể về kết quả xác định nghĩa vụ giữa cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm cho thấy, việc kiểm tra cấu trúc dư nợ và thứ tự thu nợ cần được thực hiện đầy đủ ngay từ cấp sơ thẩm. Đối với nhóm tranh chấp về tài sản bảo đảm, vấn đề thể hiện ở khả năng thực hiện quyền ưu tiên thanh toán của bên nhận bảo đảm trong giai đoạn thi hành án khi phần quyết định của bản án không ghi nhận rõ các căn cứ xác định thứ tự ưu tiên theo Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cả 2 nhóm vấn đề tuy khác nhau về nội dung nhưng cùng cho thấy cách lập luận và tuyên án có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thực hiện quyền của đương sự trên thực tế.

Từ góc độ chính sách pháp luật, việc Điều 199 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định nghĩa vụ thuế, lệ phí trực tiếp liên quan đến chuyển nhượng tài sản bảo đảm được thanh toán trước nghĩa vụ nợ được bảo đảm đặt ra vấn đề về sự cân bằng giữa yêu cầu thu ngân sách và bảo đảm quyền ưu tiên của bên nhận bảo đảm. Nghĩa vụ thuế vẫn tồn tại ngay cả khi không được ưu tiên thanh toán trước trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, thứ tự thanh toán có thể ảnh hưởng đến mức độ rủi ro pháp lý của tổ chức tín dụng và chi phí tín dụng. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất tiếp tục xem xét sự phù hợp giữa cơ chế tại Điều 199 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và cơ chế tại Điều 12 Nghị quyết số 42/2017/QH14, trên cơ sở cân bằng giữa yêu cầu thu ngân sách và bảo đảm quyền ưu tiên thanh toán của bên nhận bảo đảm, đồng thời duy trì nghĩa vụ thuế thông qua các cơ chế thu, gia hạn hoặc quản lý nghĩa vụ thuế theo pháp luật.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã nhận diện 4 bất cập trong thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025, gồm: (i) chưa kiểm tra đầy đủ cấu trúc dư nợ tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và chưa đối chiếu quy định pháp luật tương ứng với thời điểm xác lập quan hệ tín dụng; (ii) chưa thống nhất trong cách xác định lãi trên khoản lãi đã phát sinh và thứ tự thu nợ khi khoản vay chuyển quá hạn; (iii) chưa ghi nhận đầy đủ hiệu lực đối kháng, phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm và thứ tự ưu tiên thanh toán trong phần quyết định của bản án; (iv) có trường hợp xác định phạm vi chi phí được ưu tiên thanh toán theo Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng rộng hơn so với căn cứ pháp lý được nghiên cứu. Qua các vụ việc được phân tích, bất cập chủ yếu không xuất phát từ việc thiếu hoàn toàn quy phạm pháp luật mà liên quan đến việc các quy định chi tiết được quy định tại nhiều văn bản khác nhau và thiếu công cụ hỗ trợ nghiệp vụ để kiểm tra, đối chiếu và thể hiện đầy đủ các nội dung này trong bản án.

Kết quả áp dụng thử 2 mô hình giải pháp trên các vụ việc được nghiên cứu cho thấy, mô hình Thẩm định kép và minh bạch hóa chứng cứ lãi suất có khả năng phát hiện và xác định lại các khoản nghĩa vụ thanh toán có chênh lệch đáng kể. Trong 2 vụ án được áp dụng thử, tổng nghĩa vụ được xác định lại giảm

lần lượt 43,9% và 83% so với số tiền được xác định ban đầu. Các kết quả này là kết quả kiểm nghiệm của nghiên cứu trên cơ sở đối chiếu hồ sơ và bản án, không phải là kết quả thay đổi trực tiếp của các bản án đã có hiệu lực. Việc áp dụng mô hình ngay từ cấp sơ thẩm có thể hỗ trợ phát hiện sớm các khoản cần kiểm tra và điều chỉnh. Đối với mô hình Bảo vệ quyền ưu tiên thanh toán thống nhất, kết quả kiểm nghiệm cho thấy mô hình có khả năng hỗ trợ việc xác định và ghi nhận rõ hơn phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm, hiệu lực đối kháng và thứ tự ưu tiên thanh toán đối với khoản nợ có bảo đảm. Cả 2 mô hình đều được xây dựng trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành và không đặt ra yêu cầu sửa đổi ngay các quy định pháp luật để có thể áp dụng thử trong thực tiễn.

Từ kết quả nghiên cứu, đề án đề xuất 4 nhóm kiến nghị.

Thứ nhất, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP theo hướng làm rõ tiêu chí xác định trường hợp lãi được tính trên khoản lãi đã phát sinh và các trường hợp có khả năng làm tăng dư nợ do cộng dồn các khoản lãi, nhằm tạo cơ sở áp dụng thống nhất trong giải quyết tranh chấp tín dụng.

Thứ hai, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu hoàn thiện và hệ thống hóa các quy định về phương pháp xác định, hạch toán và thứ tự thu nợ khi khoản vay chuyển quá hạn, đồng thời tăng cường yêu cầu cung cấp thông tin để khách hàng có thể kiểm tra cơ sở xác định dư nợ.

Thứ ba, Tòa án nhân dân Khu vực 4 có thể nghiên cứu áp dụng thử trong thời hạn 12 tháng các công cụ hỗ trợ nghiệp vụ được đề xuất đối với 2 nhóm tranh chấp gồm tín dụng tiêu dùng và tín dụng có tài sản bảo đảm, trên cơ sở đánh giá kết quả trước và sau khi áp dụng.

Thứ tư, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về thứ tự xác định và thu các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khi khoản vay chuyển quá hạn, đồng thời làm rõ giới hạn của việc áp dụng đồng thời các biện pháp xử lý đối với cùng một hành vi vi phạm nghĩa vụ tín dụng.

Nghiên cứu có một số hạn chế. Phạm vi khảo sát được giới hạn tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2022 - 2025 và số lượng vụ việc được lựa chọn để phân tích chuyên sâu còn hạn chế. Vì vậy, kết quả nghiên cứu chủ yếu phản ánh những vấn đề được nhận diện từ các vụ việc đã khảo sát và cần được tiếp tục kiểm nghiệm trên phạm vi rộng hơn, tại nhiều Tòa án và trong thời gian dài hơn, trước khi có thể khái quát thành các kết luận áp dụng chung ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Chính phủ. (2012). Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

Chính phủ. (2021). Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định chi tiết thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. (2019). Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Lương Quang Hòa. (2023). Hoàn thiện các quy định về xử lý tài sản bảo đảm trong hoạt động thi hành án dân sự có liên quan đến các tổ chức tín dụng và thực tiễn thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2001). Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 về việc ban hành Quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2016). Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN và Thông tư số 12/2024/TT-NHNN.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2023). Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2024). Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Nguyễn Thái Nam. (2021). Vương mắc, bất cập trong áp dụng quy định “lãi suất”. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-bat-cap-trong-ap-dung-quy-dinh-lai-suat>

Nguyễn Thị Khuyên. (2022). Thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm theo pháp luật dân sự Việt Nam (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Quốc hội. (2008). Luật số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008 về Thi hành án dân sự.

Quốc hội. (2010). Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 về Các tổ chức tín dụng.

Quốc hội. (2015). Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.

Quốc hội. (2015). Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

Quốc hội. (2017). Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

Quốc hội. (2024). Luật số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 về Các tổ chức tín dụng.

Quốc hội. (2024). Luật số 34/2024/QH15 ngày 24/6/2024 về Tổ chức Tòa án nhân dân.

Quốc hội. (2025). Luật số 106/2025/QH15 ngày 05/12/2025 về Thi hành án dân sự.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. (2023). Quyết định giám đốc thẩm số 30/2023/KDTM-GĐT ngày 29/12/2023. <https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/portal/anle/chitietanle?dDocName=TAND377337>.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. (2024). Quyết định giám đốc thẩm số 295/2024/DS-GĐT ngày 26/12/2024. <https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=%2FUCMServer%2FTAND364487>

Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh. (2025). Bản án số 251/2025/DS-ST ngày 29/5/2025. <https://luatvietnam.vn/ban-an/ban-an-251-2025-ds-2-1358755-d11.html>.

Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh. (2025). Bản án số 266/2025/DS-ST ngày 18/6/2025. <https://dulieuphapluat.vn/van-ban/dan-su-van-ban/ban-an-266-ngay-18062025-ve-tranh-chap-hop-dong-tin-dung-toa-an-nhan-dan-khu-vuc-4-ho-chi-minh-tp-ho-chi-minh-1805901.html>.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2024). Bản án số 158/2024/DS-PT ngày 06/3/2024. <https://hethongphapluat.com/ban-an-so-158-ngay-06-03-2024-cua-tand-tp-ho-chi-minh-ve-tranh-chap-hop-dong-vay-tai-san.html>

Tường Duy Lượng. (2020). Việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. <https://tapchitoaan.vn/ve-xac-dinh-lai-suat-viec-dieu-chinh-lai-suat-trong-hop-dong-tin-dung-ke-tu-ngay-tiep-theo-cua-ngay-xet-xu-so-tham>.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội. (2025). Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.